

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 128 /NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về kế hoạch đầu tư công năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**  
**KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công, ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Xét Tờ trình số 12069/TTr-UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 172/BC-HĐND, ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại văn bản số 12549/UBND-XDND, ngày 09 tháng 12 năm 2021 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua kế hoạch đầu tư công năm 2022 như sau:**

1. Tổng vốn đầu tư công nguồn cân đối ngân sách địa phương: 2.625,34 tỷ đồng.

*Trong đó:*

- Nguồn vốn XDCCB tập trung: 1.825,34 tỷ đồng.
- Nguồn vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối: 600 tỷ đồng.
- Nguồn vốn từ nguồn thu XSKT: 200 tỷ đồng.

*(Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, nguồn bội chi: thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính).*

2. Phân cấp quản lý vốn đầu tư

a) Ngân sách cấp tỉnh quản lý đầu tư: 1.533,34 tỷ đồng.

*Trong đó:*

- Nguồn vốn XD CB tập trung: 1.333,34 tỷ đồng.
- Nguồn vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối: 0 đồng.
- Đầu tư từ nguồn thu XSKT: 200 tỷ đồng.

b) Ngân sách cấp huyện quản lý đầu tư: 1.092 tỷ đồng.

*Trong đó:*

- Nguồn vốn XD CB tập trung: 492 tỷ đồng
- Nguồn cấp quyền sử dụng đất: 600 tỷ đồng

3. Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công, danh mục chương trình, dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ chi đầu tư cấp tỉnh và vốn đầu tư phân cấp cho cấp huyện theo Phụ lục đính kèm.

## **Điều 2. Các giải pháp chủ yếu Ủy ban nhân dân tỉnh cần chỉ đạo tổ chức thực hiện**

1. Tiếp tục tăng cường công tác quản lý đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định của Chính phủ. Không bố trí danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư công năm 2022 nếu chưa được quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư theo quy định.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện (bao gồm cấp xã) thực hiện theo nguyên tắc, thứ tự ưu tiên đầu tư và dự kiến phân bổ nguồn vốn cho các ngành, lĩnh vực, chương trình tương ứng với số vốn phân cấp được phân bổ và số vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ trong bản kế hoạch này.

3. Chỉ đạo các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương thực hiện hoàn thành công tác kiểm đếm khối lượng giải tỏa, xác minh nguồn gốc sử dụng đất, xác định giá đất bồi thường để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án và chi trả chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án theo quy định.

4. Chỉ đạo các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính và các đơn vị liên quan khẩn trương thực hiện thủ tục về thu hồi đất, thủ tục bán đấu giá, xác định giá khởi điểm bán đấu giá quyền sử dụng đất, tổ chức thực hiện bán đấu giá: 3,36 ha tại khu Kho cảng Bình Tân, các Phòng khám đa khoa khu vực Nha Trang, 22 lô đất tại khu tái định cư Vĩnh Thái. Hoàn thành công tác bán đấu giá quyền sử dụng đất trong năm 2022 để bổ sung nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 và năm 2022.

5. Trường hợp phát sinh số thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh, Sở Tài chính tổng hợp, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển từ số thu này.

6. Thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư định kỳ ở các cấp tỉnh, huyện, xã. Kiểm tra việc báo cáo giám sát đánh giá đầu tư của các chủ đầu tư (cả

chủ đầu tư nguồn vốn ngoài ngân sách), của Ủy ban nhân dân cấp huyện để đánh giá hiệu quả đầu tư 6 tháng và hàng năm.

7. Các chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương, vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ,... năm 2022 đẩy nhanh tiến độ thi công và nghiệm thu khối lượng hoàn thành để giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn giao; tích cực xử lý các vướng mắc phát sinh, rà soát các vướng mắc cụ thể về cơ chế chính sách đã ban hành làm ảnh hưởng đến công tác tạm ứng, thanh toán vốn (nếu có), báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để xin ý kiến xử lý.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VII, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021./

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy và các Ban Đảng;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, ĐN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Mạnh Dũng**



PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2021						Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022				Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn CBNS địa phương	Vốn từ nguồn tăng thu, kết dư, tiết kiệm chi NSDP, vốn chuyển nguồn 2020 sang 2021	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung		Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	
								Vốn NS tỉnh													Vốn NSTW, ODA
	TỔNG SỐ															2.625.340	1.825.340	600.000	200.000		
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH QUẢN LÝ															1.533.340	1.333.340	0	200.000		
A.1	Trà nợ vốn vay															24.988	24.988				
A.2	Vốn chuẩn bị đầu tư															5.000	5.000				
A.3	Vốn thực hiện đầu tư															1.503.352	1.303.352	0	200.000		
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp															296.832	256.832	0	40.000		
I.1	Cấp tỉnh quản lý															119.885	79.885	0	40.000		
(1)	Sở GDĐT															12.000	12.000	0	0		
	Dự án khởi công mới năm 2022															12.000	12.000	0	0		
1	Mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Sở GDĐT	Các đơn vị trực thuộc	2021-2025	13/NQ-HĐND ngày 15/01/2021	3442/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	13.670	13.670	0	0		0	0	0	0	12.000	12.000				
(2)	Sở LĐTBXH															5.000	5.000	0	0		
	Dự án khởi công mới năm 2022															5.000	5.000	0	0		
1	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trường Trung cấp nghề dân tộc nội trú Khánh Sơn (giai đoạn 2)	Sở LĐ	Khánh Sơn	2021-2023	52/NQ-HĐND ngày 29/9/2020	2231/QĐ-UBND ngày 05/8/2021	19.905	19.905	0	0		0	0	0	0	5.000	5.000				
(3)	BQL DABT XD các CT GT															79.885	39.885	0	40.000		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2021						Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022				Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Vốn CPNS địa phương	Vốn từ nguồn tăng thu, kết dư, tiết kiệm chi NSDP, vốn chuyển nguồn 2020 sang 2021	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ		Vốn XD CB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối		Vốn XSKT	
								Vốn NS tỉnh													Vốn NSTW, ODA
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022															79.885	39.885	0	40.000		
1	CSHT khu trường học, đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông	BQL DABT XD các CT GT	NT	2006-2022	131/QĐ-UBND 16/01/2007; 2676/QĐ-UBND 8/10/2014; 96/QĐ-UBND 14/01/2020; 77/QĐ-UBND ngày 08/01/2021	562.820	562.820		188.025	188.025	0	0	0	0	79.885	39.885			40.000		
(4)	BQL DABT XD và CN														23.000	23.000	0	0			
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022														23.000	23.000	0	0			
1	BTHT để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Trường CĐ Sư phạm Nha Trang	BQL DABT XD các CT DD và CN	NT	2012-2022	2162/QĐ-UBND 30/8/2012; 2701/QĐ-UBND 06/10/2020; 2140/QĐ-CTUBND ngày 26/7/2021	74.935	74.935		46.850	46.850	0	0	0	0	23.000	23.000					
1.2	Hỗ trợ cấp huyện														31.251	31.251	0	0			
(1)	Thị xã Ninh Hòa														9.200	9.200	0	0			
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022														5.400	5.400	0	0			
1	Xây dựng Trường tiểu học Ninh Phước	Phòng GD&ĐT Ninh Hòa	Ninh Phước	2021-2022	33/NQ-HBND ngày 16/10/2020	730/QĐ-CTUBND ngày 26/02/2021	10.475	10.475		5.000	0	5.000	0	0	0	5.400	5.400				
b	Dự án khởi công mới năm 2022														3.800	3.800	0	0			
1	Xây dựng 02 phòng học và công trình phụ trợ Trường mầm non Ninh Đông	Phòng GD&ĐT Ninh Hòa	xã Ninh Đông	2021-2022	52/NQ-HBND ngày 16/10/2020	4635/QĐ-CTUBND ngày 31/12/2020	2.717	1.900		0	0	0	0	0	0	1.900	1.900				
2	Xây dựng 02 phòng học và công trình phụ trợ Trường mầm non Ninh Phụng	Phòng GD&ĐT Ninh Hòa	xã Ninh Phụng	2021-2022	50/NQ-HBND ngày 16/10/2020	4634/QĐ CTUBND ngày 31/12/2020	2.760	1.900		0	0	0	0	0	0	1.900	1.900				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2021						Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022				Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh		Vốn NSTW, ODA	Vốn CBNS địa phương	Vốn từ nguồn tăng thu, kết dư, tiết kiệm chi NSDP, vốn chuyển nguồn 2020 sang 2021	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát		Vốn vay lại Chính phủ	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XD CB tập trung		Vốn thu tiền SDB trong cân đối	Vốn XS KT	
(2)	Huyện Vạn Ninh																					
	Dự án khởi công mới năm 2022																	10.840	10.840	0	0	
																		10.840	10.840	0	0	
1	Trường Tiểu học Vạn Long; Xây mới 08 phòng học, khu hiệu bộ, phòng ngoại ngữ, phòng tin học, phòng giáo dục nghệ thuật, phòng thiết bị, phòng Đội, nhà trực; nhà vệ sinh học sinh; xây mới tường rào, thiết bị	Ban QLDA các CTXD Vạn Ninh	xã Vạn Long	2022	17/NQ-HĐND ngày 17/3/2021	537/QĐ-UBND ngày 14/6/2021	9.926	6.948		0	0	0	0	0	0	0	6.940	6.940				
2	Trường mầm non Vạn Long; Hạng mục: Xây mới 03 phòng học, bếp ăn, phòng nhân viên, phòng y tế, nhà kho, nhà vệ sinh, nhà trực, phòng họp, cổng tường rào, sân bê tông	Ban QLDA các CTXD huyện Vạn Ninh	xã Vạn Long	2021-2022	110/NQ-HĐND ngày 24/8/2021	1006/QĐ-UBND ngày 29/9/2021	5.713	3.900		0	0	0	0	0	0	0	3.900	3.900				
(3)	Huyện Diên Khánh																					
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022																					
																		2.411	2.411	0	0	
																		2.411	2.411	0	0	
1	Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2 và lớp 6 huyện Diên Khánh	Phòng GD&ĐT Diên Khánh	Diên Khánh	2021	17/NQ-HĐND ngày 11/01/2021	43/QĐ-UBND ngày 16/3/2021	14.356	9.800		9.389	0	9.389	0	0	0	0	411	411				
2	Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Diên Đồng; Hạng mục: Xây dựng mới 12 phòng học tiểu học, nhà bếp và nhà ăn, nhà vệ sinh học sinh, cầu nối	Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh	xã Diên Đồng	2021-2023	33/NQ-HĐND ngày 20/7/2020; 36/NQ-HĐND ngày 28/4/2021	95/QĐ-UBND ngày 10/5/2021	10.003	3.200		1.200	0	1.200	0	0	0	0	2.000	2.000				
(4)	TP Cam Ranh																					
																		2.800	2.800	0	0	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022																	2.800	2.800	0	0	

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2021						Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022				Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh		Vốn NSTW, ODA	Vốn CBNS địa phương	Vốn từ nguồn tăng thu, kết dư, tiết kiệm chi NSDP, vốn chuyển nguồn 2020 sang 2021	Vốn TW hỗ trợ		Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ	Vốn XD CB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối		Vốn XS KT
1	Trường mầm non 2 tháng 4, hạng mục: khối lớp học 04 phòng, nhà hành chính, bếp ăn một chiều, phòng học chức năng và hệ thống điện nước ngoài nhà	Ban QLDA các CTXD Cam Ranh	CR	2020-2021	1522A/QĐ-UBND ngày 31/8/2016	1531/QĐ-UBND ngày 27/10/17; 1622/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	10.496	7.300		4.500	4.500	0	0	0	0	2.800	2.800			
(5)	TP Nha Trang															6.000	6.000	0	0	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025															6.000	6.000	0	0	
1	Trường Tiểu học Vĩnh Thạnh - Hạng mục Xây dựng mới nhà đa năng, khối phòng học chức năng	Phòng GD&ĐT Nha Trang	xã Vĩnh Thạnh	2021-2022	176/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	3108/QĐ-UBND ngày 04/6/2021	9.059	6.340		0	0		0	0	0	3.000	3.000			
2	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân - Hạng mục: Xây dựng khối lớp học, khu thể dục thể thao	Phòng GD&ĐT Nha Trang	xã Vĩnh Lương	2021-2022	164/NQ-HĐND ngày 30/10/2020	14222/QĐ-UBND ngày 02/7/2021	14.396	7.300		0	0		0	0	0	3.000	3.000			
I.3	Chưa phân bổ															145.696	145.696			
II	Khoa học, công nghệ															20.000	20.000	0	0	
(1)	Sở KHCHN															20.000	20.000	0	0	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022															20.000	20.000	0	0	
1	Trung tâm ứng dụng tiến bộ KHCHN Khánh Hòa	Sở KHCHN	NT	2016-2024	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015	3126A/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 3217/QĐ-UBND ngày 30/11/2020; 137/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	137.215	137.215		14.136	14.136	0	0	0	0	10.000	10.000			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2021						Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022				Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn CBNS địa phương	Vốn từ nguồn tăng thu, kết dư, tiết kiệm chi NSDP, vốn chuyển nguồn 2020 sang 2021	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát		Vốn vay lại Chính phủ	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDB trong cân đối	Vốn XSKT		
								Vốn NS tỉnh												Vốn NSTW, ODA
2	Trạm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở KHCN	DK	2019-2024	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015	3323/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 3257/QĐ-UBND ngày 07/12/2020; 138/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	100.607	100.607		3.218	3.218	0	0	0	0	10.000	10.000			
III	Y tế, dân số và gia đình															329.642	189.642		140.000	
(1)	Sở Y tế															329.642	189.642		140.000	
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022															306.616	189.642		116.974	
1	Bệnh viện Ung bướu	Sở Y tế	NT	2016-2022	33/NQ-HĐND ngày 09/12/2015	3123/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 3306/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	560.862	224.862	336.000	218.600	218.600	0	0	0	0	190.500	113.526		76.974	
2	Các đội y tế dự phòng huyện; đội chăm sóc sức khỏe huyện	Sở Y tế	toàn tỉnh	2019-2021	345/HĐND ngày 29/11/2016	3236/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2218/QĐ-UBND ngày 26/8/2020	49.996	49.996		40.584	30.584	10.000	0	0	0	5.000	5.000			
3	Bệnh viện đa khoa Nha Trang	Sở Y tế	NT	2019-2023	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015	812/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 1189/QĐ-UBND ngày 25/5/2020	355.296	355.296		147.765	147.765	0	0	0	0	111.116	71.116		40.000	
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022															23.026	0	0	23.026	
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Ninh Hòa (mở rộng 50 giường)	Sở Y tế	NH	2021-2024	31/NQ-HĐND ngày 21/7/2020	1646/QĐ-UBND ngày 14/6/2021	87.726	87.726		1.700	1.700	0	0	0	0	23.026			23.026	
IV	Thể dục thể thao															7.927	7.927	0	0	
(1)	LĐ lao động tỉnh															7.927	7.927		0	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022															7.927	7.927		0	
1	Nhà thi đấu thể dục, thể thao Liên đoàn lao động tỉnh	LĐ lao động tỉnh	CR	2018-2021	47/QĐ-TTg ngày 13/01/2017	1812/QĐ-TLĐ ngày 31/10/2017; 420b/TLĐ ngày 07/5/2020	26.000	8.000	15.000	14.573	73	0	14.500	0	0	7.927	7.927			



STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2021						Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022				Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn CDNS địa phương	Vốn từ nguồn tăng thu, kết dư, tiết kiệm chi NSDP, vốn chuyển nguồn 2020 sang 2021	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ		Vốn XD CB tập trung	Vốn thu tiền SDB trong cân đối	Vốn XSKT		
								Vốn NS tỉnh												Vốn NSTW, ODA
V	Bảo vệ môi trường (trong đó có bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững)														51.887	51.887	0	0		
(1)	BQLDA Phát triển tỉnh														45.387	45.387	0	0		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022														45.387	45.387	0	0		
1	Đập ngăn mặn sông Cái Nha Trang	BQLDA Phát triển tỉnh	NT	2018-2022	412/HĐND ngày 13/12/2017	782/QĐ-UBND ngày 22/3/2018	759.516	151.411	608.105	345.128	132.345	0	0	212.783	0	13.547	13.547		đề nghị TW hỗ trợ CT SP-RCC	
2	Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải - Tiểu dự án thành phố Nha Trang	BQLDA Phát triển tỉnh	NT	2018-2022	582/QĐ-TTg ngày 06/4/2016; 98/NQ-HĐND ngày 19/10/2021	3348A/QĐ-UBND 31/10/2016; 2925/QĐ-UBND ngày 27/10/2020	1.607.510	254.611	1.352.899	397.140	32.572	0	0	137.244	227.324	31.840	31.840			
(2)	Sở TNMT														6.500	6.500	0	0		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022														6.500	6.500	0	0		
1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (VILC)	Sở TNMT	toàn tỉnh	2018-2022		2941/QĐ-UBND ngày 03/10/2016	52.460	10.049	42.411	9.900	0	500	0	3.500	5.900	6.500	6.500			
VI	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản														171.116	171.116	0	0		
I.1	Cấp tỉnh quản lý														82.018	82.018	0	0		
(1)	Sở NN&PTNT														61.000	61.000	0	0		
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022														56.000	56.000	0	0		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2021						Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022				Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Vốn từ nguồn tăng thu, kết dư, tiết kiệm chi NSDP, vốn chuyển nguồn 2020 sang 2021	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ		Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XS KT		
								Vốn NS tỉnh												Vốn NSTW, ODA
1	Hồ chứa nước Đắc Lộc	Sở NN&PTNT	Nha Trang	2014-2022		2733/QĐ-UBND 31/10/2012; 2423/QĐ-UBND 16/8/2017; 186/QĐ-UBND 21/01/2020; 673/QĐ-UBND ngày 18/3/2021	207.363	155.363	52.000	135.876	90.076	0	45.800	0	0	50.000	50.000			
2	Cảng cá động lực thuộc Trung tâm nghề cá lớn (giai đoạn 1)	Sở NN&PTNT	Cam Ranh	2017-2022	197/HĐND 20/7/2016	3235/QĐ-UBND 26/10/2016; 2439/QĐ-UBND 14/9/2020; 2106/QĐ-UBND ngày 22/7/2021	171.483	37.483	134.000	82.565	20.000	0	62.565	0	0	0				
3	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	Sở NN&PTNT	Nha Trang, Diên Khánh, Vạn Ninh, Ninh Hòa	2018-2022	01/2016/NQ-HĐND 31/3/2016	1808/QĐ-UBND 22/6/2018	224.648	11.916	212.732	162.124	11.916	0	0	90.125	60.083	0				
4	Đóng mới tàu kiểm ngư và ca nô tuần tra của Chi cục Thủy sản	Sở NN&PTNT	Nha Trang	2021-2022	08/NQ-HĐND ngày 15/01/2021	1707/QĐ-UBND ngày 23/6/2021	8.446	8.446		2.379	2.379	0	0	0	0	6.000	6.000			
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022															5.000	5.000	0	0	
1	Cải tạo, nâng cấp kênh chính Nam hồ chứa Cam Ranh và kênh chính hồ chứa Suối Dầu (ADB8)	Sở NN&PTNT	Huyện Cam Lâm	2018-2025		1807/QĐ-UBND ngày 22/6/2018; 1337/QĐ-UBND ngày 08/5/2019	421.400	77.800	171.800	13.572	4.732	0	0	4.695	4.145	5.000	5.000			
(2)	BQLDA ĐT XDCT NN&PTNT															18.222	18.222	0	0	
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022															7.670	7.670	0	0	
1	Kè chắn sóng bờ biển bảo vệ khu dân cư Phú Hội 2	BQL DABT XD các CT NN&PTNT	VN	2020-2022	12/NQ-HĐND ngày 15/5/2020	1605/QĐ-UBND 3/7/2020	80.745	20.745	60.000	38.000	5.000	0	33.000	0	0	7.670	7.670			
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022															10.552	10.552	0	0	

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2021						Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022				Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh		Vốn NSTW, ODA	Vốn CĐNS địa phương	Vốn từ nguồn tăng thu, kết dư, tiết kiệm chi NSDP, vốn chuyển nguồn 2020 sang 2021	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát		Vốn vay lại Chính phủ	Vốn XD CB tập trung	Vốn thu tiền SDB trong cân đối	
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng chống ngập lụt, xói lở Khu dân cư Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, kè bờ hữu sông Cái và kè bờ sông Cái qua xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang	BQL DABT XD các CT NN&PTNT	CR, NT	2020-2023	11/NQ-HĐND ngày 15/5/2020	1856/QĐ-UBND 27/7/2020	299.662	99.662	200.000	94.132	21.000	0	73.132	0	0	10.000	10.000		
2	Tiêu thoát lũ các xã Diên Sơn - Diên Điền - Diên Phú	BQL DABT XD các CT NN&PTNT	DK	2020-2022	10/NQ-HĐND ngày 15/5/2020	2637/QĐ-UBND 30/9/2020; 2286/QĐ-UBND ngày 09/8/2021	90.605	10.605	80.000	24.000	0	0	24.000	0	0	552	552		
(3)	Công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi Khánh Hòa															2.796	2.796	0	0
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022															2.796	2.796	0	0
1	Sửa chữa Cầu Máng - Trạm bơm Vĩnh Phương	CT TNHH MTV KTCT Thủy lợi KH	Nha Trang	2021	33/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	1846/QĐ-UBND ngày 02/7/2021	1.200	1.200		552	552	0	0	0	0	548	548		
2	Sửa chữa Đập dâng Hàm Rồng	CT TNHH MTV KTCT Thủy lợi KH	Ninh Hòa	2021	32/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	1739/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	4.400	4.400		1.802		1.802				2.248	2.248		
1.2	Hỗ trợ cấp huyện															89.098	89.098	0	0
(1)	Thị xã Ninh Hòa															24.217	24.217	0	0
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022															0	0	0	0
1	Kè bờ biển phường Ninh Hải, thị xã Ninh Hoà	UBND TX Ninh Hòa	Ninh Hải	2020-2022	08/NQ-HĐND ngày 15/5/2020	1934/QĐ-UBND 31/7/2020; 2956/QĐ-UBND ngày 21/9/2021	88.000	6.300	79.000	30.000	0	0	30.000	0	0	0			
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022															24.217	24.217	0	0
1	Kè, đập ngăn mặn sông Đá Hân	UBND TX Ninh Hòa	Ninh Đa	2020-2022	14/NQ-HĐND ngày 15/5/2020	2639/QĐ-UBND 30/9/2020; 3803/QĐ-UBND ngày 28/10/2021	120.000	60.000	40.000	3.232	400	0	2.832	0	0	24.217	24.217		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2021						Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022				Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh		Vốn NSTW, ODA	Vốn CBNS địa phương	Vốn từ nguồn tăng thu, kết dư, tiết kiệm chi NSDP, vốn chuyển nguồn 2020 sang 2021	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát		Vốn vay lại Chính phủ	Vốn XD CB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối		Vốn XS KT
(2)	Huyện Vạn Ninh																			
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022																			
1	Bến cá Quảng Hội	UBND huyện Vạn Ninh	xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh	2019-2021	3245/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	2609/QĐ-UBND ngày 7/9/2018	35.652	35.652		30.135	30.135	0	0	0	0	2.867	2.867			
2	Kè, đường từ đường Sắt đến cầu huyện	UBND huyện Vạn Ninh	Vạn Ninh	2019-2022	1046/QĐ-UBND 30/10/2015; 121/NQ-HĐND ngày 26/11/2021	2059/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2069/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	25.477	12.000		6.756	6.756	0	0	0	0	5.244	5.244			
3	Kè biển chống xói lở đoạn từ phía Nam cầu Trần Hưng Đạo đến Trung tâm y tế huyện Vạn Ninh	UBND huyện Vạn Ninh	xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh	2020-2022	07/NQ-HĐND ngày 15/5/2020	1916/QĐ-UBND 31/7/2020	96.000	36.000	60.000	44.011	10.000	0	34.011	0	0	16.000	16.000			
(3)	Huyện Diên Khánh																			
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022																			
1	Kè và tuyến đường số 1 sông Cái và sông Suối Dầu	UBND huyện Diên Khánh	TTDK	2013-2021	2797/QĐ-UBND 06/11/2012		217.386	138.170	20.000	131.016	111.016	0	20.000	0	0	4.184	4.184			
2	Kè chống sạt lở bờ sông Chò, đoạn qua trường mẫu giáo xã Diên Xuân	Ban QLDA các CTXD Diên Khánh	xã Diên Xuân	2020-2021	86/NQ-HĐND ngày 14/9/2020	259/QĐ-UBND ngày 05/10/2020	14.989	12.000		4.500	4.500	0	0	0	0	7.500	7.500			
(4)	Huyện Cam Lâm																			
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022																			
1	Kè và đường ven đầm Thuyền Triều (đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Yersin), huyện Cam Lâm	UBND huyện Cam Lâm	Cam Đức	2020-2023	09/NQ-HĐND ngày 15/5/2020	1914/QĐ-UBND 31/7/2020	160.000	55.000	90.000	4.958	0	0	4.958	0	0	10.000	10.000			
(5)	Huyện Khánh Sơn																			
																13.586	13.586	0	0	

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2021						Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022				Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn CBNS địa phương	Vốn từ nguồn tăng thu, kết dư, tiết kiệm chi NSDP, vốn chuyển nguồn 2020 sang 2021	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
								Vốn NS tỉnh									Vốn NSTW, ODA	Vốn XD CB tập trung		Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022															12.900	12.900	0	0		
1	Kè bảo vệ thượng lưu cầu Tha Máng	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	Ba Cụt Bắc	2021-2022	09/NQ-HĐND ngày 02/6/2020	1043/QĐ-UBND ngày 01/9/2020	10.991	10.900		6.000	0	6.000	0	0	0	4.900	4.900				
2	Hồ chứa nước đầu làng Ka Tơ	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	Khánh Sơn	2021-2022	1253/QĐ-UBND ngày 16/10/2019	1455/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	20.000	16.000		8.000	0	8.000	0	0	0	8.000	8.000				
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022															686	686	0	0		
1	Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất giai đoạn 2021-2025 (huyện Khánh Sơn)	BQLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất huyện Khánh Sơn	Khánh Sơn	2021-2025	193/QĐ-UBND ngày 03/3/2021	630/QĐ-UBND ngày 11/5/2021	1.999	1.999		254	254	0	0	0	0	686	686				
(6)	TP Cam Ranh															5.500	5.500	0	0		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022															5.500	5.500	0	0		
1	Kè chống sạt lở sông Lạch Cầu 2 và Lạch Cầu 3, TP Cam Ranh	Ban QLDA các CTXD Cam Ranh	phường Ba Ngòi, Cam Ranh	2018-2021	27/HĐND ngày 31/3/2017	1507/QĐ-UBND ngày 24/10/2017; 1625/QĐ-UBND ngày 24/12/2020; 718/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	80.000	24.500	45.000	63.500	11.000	0	45.000	0	0	5.500	5.500				
VII	Công nghiệp (mạng lưới điện nông thôn, miền núi và hải đảo)															1.500	1.500	0	0		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022															1.500	1.500	0	0		
1	Xây dựng mới hệ thống điện chiếu sáng công cộng đường trục chính xã Ninh Quang, đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sấu, xã Ninh Quang	UBND xã Ninh Quang	xã Ninh Quang	2021	49/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	476/QĐ-CTUBND ngày 24/7/2021	3.989	3.500		2.000	2.000	0	0	0	0	1.500	1.500				
VIII	Giao thông															429.899	429.899	0	0		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2021						Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022				Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn CBNS địa phương	Vốn từ nguồn tăng thu, kết dư, tiết kiệm chi NSDP, vốn chuyển nguồn 2020 sang 2021	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát		Vốn vay lại Chính phủ	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
								Vốn NS tỉnh									Vốn NSTW, ODA	Vốn XDCB tập trung		Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	
I.1	Cấp tỉnh quản lý																					
(1)	Sở GTVT																					
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022																					
1	Đường Tỉnh lộ 2 (ĐT.635), đoạn từ Cầu Hà Dừa đến Cầu Đồi	Sở GTVT	DK	2019-2022	08/HĐND ngày 9/01/2017	3262/QĐ-UBND ngày 29/10/2018; 3180/QĐ-UBND ngày 26/11/2020; 2344/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	317.005	317.005		225.000	225.000	0	0	0	0	85.000	85.000					
2	Sửa chữa đường ĐT.651D (Tỉnh lộ 7)	Sở GTVT		2021	108/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	127/QĐ-UBND ngày 13/01/2021	8.662	8.662		6.060	2.700	3.360	0	0	0	2.000	2.000					
3	Xây dựng cầu Đò trên đường ĐT.652H (Tỉnh lộ 8)	Sở GTVT		2021-2022	109/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	134/QĐ-UBND ngày 13/01/2021; 1725/QĐ-UBND ngày 24/6/2021	14.866	14.866		6.275	975	5.300	0	0	0	6.000	6.000					
(2)	UBND các huyện, thị xã, thành phố																					
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022																					
1	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên tuyến đường mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua huyện Cam Lâm (phần 01 bên đường còn lại đối với các đoạn qua đô thị, qua khu dân cư đông đúc)	UBND huyện Cam Lâm	CL	2020-2021	2835/QĐ-UBND ngày 8/10/2015	2812/QĐ-UBND ngày 22/9/2016; 2644/QĐ-CT-UBND ngày 30/9/2020	13.762	13.762		4.045	4.045	0	0	0	0	5.618	5.618					
2	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên tuyến đường mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua TP Cam Ranh (phần 01 bên đường còn lại đối với các đoạn qua đô thị, qua khu dân cư đông đúc)	UBND TP Cam Ranh	CR	2021	1729/QĐ-UBND ngày 30/6/2015; 3105/QĐ-UBND ngày 18/11/2020	1222/QĐ-UBND ngày 11/5/2021	26.206	26.206		2.000	2.000	0	0	0	0	18.400	18.400					

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2021						Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022				Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh		Vốn NSTW, ODA	Vốn CBNS địa phương	Vốn từ nguồn tăng thu, kết dư, tiết kiệm chi NSDP, vốn chuyển nguồn 2020 sang 2021	Vốn TW hỗ trợ		Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ	Vốn XD CB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối		Vốn XS KT																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
(3)	BQL Phát triển tỉnh																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2021						Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022				Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh		Vốn NSTW, ODA	Vốn CBNS địa phương	Vốn từ nguồn tăng thu, kết dư, tiết kiệm chi NSDP, vốn chuyển nguồn 2020 sang 2021	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát		Vốn vay lại Chính phủ	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối		Vốn XSKT
1	Quảng trường trung tâm phường Ninh Giang	UBND phường Ninh Giang	Ninh Giang	2021	20/NQ-HĐND ngày 25/12/2020	86/QĐ-UBND ngày 08/3/2021	4.786	3.000		2.000	2.000	0	0	0	0	1.000	1.000			
(2)	Huyện Vạn Ninh															13.314	13.314	0	0	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022															13.314	13.314	0	0	
1	Đường Lê Lợi (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường ray xe lửa)	Ban QLDA các CTXD Vạn Ninh	VN	2018-2022	1047/QĐ-UBND 30/10/2015; 120/NQ-HĐND ngày 26/11/2021	1943/QĐ-UBND 30/10/2017; 2068/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	36.200	18.000		4.686	4.686	0	0	0	0	13.314	13.314			
(3)	Huyện Diên Khánh															20.000	20.000	0	0	
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022															10.000	10.000	0	0	
1	Đường Nguyễn Trãi nối dài giáp đường tránh QL1A	Ban QLDA các CTXD Diên Khánh	DK	2019-2021	14/NQ-HĐND ngày 31/10/2015	549/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 229/QĐ-UBND ngày 14/9/2020	59.823	40.000		30.000	30.000	0	0	0	0	10.000	10.000			
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022															10.000	10.000	0	0	
1	Đường gom dọc Quốc lộ 27C khu đô thị Hành chính huyện Diên Khánh	Ban QLDA các CTXD Diên Khánh	D.Thanh, D.Lạc	2021-2023	31/NQ-HĐND ngày 30/7/2021	25/QĐ-UBND ngày 8/02/2021	29.999	25.000		1.000	1.000	0	0	0	0	5.000	5.000			
2	Mở rộng Hương lộ 5 (từ Tỉnh lộ 8 - Am Chúa)	Ban QLDA các CTXD Diên Khánh	Diên Diên	2021-2023	25/NQ-HĐND ngày 20/7/2020; 109/HĐND ngày 24/12/2020	49/QĐ-UBND ngày 19/3/2021	85.706	50.000		1.000	1.000	0	0	0	0	5.000	5.000			
(4)	Huyện Khánh Vĩnh															2.500	2.500	0	0	
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022															2.500	2.500	0	0	
1	Các trục đường giao thông chính Khu đô thị mới Thị trấn Khánh Vĩnh (gđ1)	Phòng Kinh tế và Hạ tầng Khánh Vĩnh	TT Khánh Vĩnh	2018-2021	88/HĐND ngày 16/9/2016	922/QĐ-UBND ngày 26/9/2017; 935/QĐ-UBND ngày 29/12/2020; 212/QĐ-UBND ngày 28/4/2021	82.014	15.966	60.000	67.000	7.000	0	60.000	0	0	2.500	2.500			



STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2021						Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022				Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Vốn CDNS địa phương	Vốn từ nguồn tăng thu, kết dư, tiết kiệm chi NSDP, vốn chuyển nguồn 2020 sang 2021	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ		Vốn XD CB tập trung	Vốn thu tiền SDB trong cân đối		Vốn XSKT	
								Vốn NS tỉnh													Vốn NSTW, ODA
(5)	Huyện Khánh Sơn																				
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022															5.384	5.384	0	0		
																5.384	5.384	0	0		
1	Đường D9	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	TT Tô Hạp	2017-2021	579b/QB-UBND ngày 3/10/2016	662b/QB-UBND ngày 27/10/2016; 1856/QB-UBND ngày 23/12/2020	50.000	30.000		15.916	14.400	1.516	0	0	0	5.384	5.384				
(6)	TP Cam Ranh															2.898	2.898	0	0		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022															2.898	2.898	0	0		
																2.898	2.898	0	0		
1	Đường vào Trường THPT Nam Cam Ranh	Ban QLDA các CTXD Cam Ranh	CR	2019-2020	2411/QB-UBND ngày 20/11/2019	2559/QB-UBND ngày 12/12/2019; 1623/QB-UBND ngày 24/12/2020	14.953	3.256		358	358	0	0	0	0	2.898	2.898				
IX	Hạ tầng khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế															1.525	1.525	0	0		
(1)	BQL KKT Vân phong															0	0	0	0		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022															0	0	0	0		
																0	0	0	0		
1	Đường giao thông từ QL1A đến Đầm Môn	BQL KKT Vân phong	VN	2016-2022	252/HĐND ngày 30/10/2015; 33/NQ-HĐND ngày 09/12/2015	128/QĐ-KKT ngày 30/10/2015; 36/QĐ-KKT ngày 04/4/2019; 158/QĐ-KKT ngày 04/12/2020; 83/QĐ-KKT ngày 09/6/2021	998.170	283.170	715.000	567.025	82.300	0	484.725	0	0	0	0	0			
(2)	Sở Công Thương															1.525	1.525	0	0		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022															1.525	1.525	0	0		
																1.525	1.525	0	0		
1	Mở rộng dải cây xanh cách ly Cụm CN Đặc Lộ	Sở Công Thương	Nha Trang	2020-2021	839/QĐ-UBND ngày 30/3/2017	3413/QĐ-UBND ngày 8/11/2018; 2611/QĐ-UBND ngày 26/9/2020	4.631	4.631		2.046	2.046	0	0	0	0	1.525	1.525				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2021						Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022				Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn CBNS địa phương	Vốn từ nguồn tăng thu, kết dư, tiết kiệm chi NSDP, vốn chuyển nguồn 2020 sang 2021	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối		Vốn XSKT	
								Vốn NS tỉnh													Vốn NSTW, ODA
X	Cấp nước, thoát nước															7.067	7.067	0	0		
(1)	Ban QLDA Phát triển tỉnh															3.267	3.267	0	0		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022															3.267	3.267	0	0		
1	Hệ thống thoát nước mưa khu vực Nam hòn Khô (giai đoạn 2) - Tuyến T1	BQLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2013-2021		2782/QĐ-UBND 20/9/2016; 3808/QĐ-UBND 14/12/2017; 4004/QĐ-UBND 24/12/2018; 1481/QĐ-UBND 4/6/2020	79.808	79.808		65.757	65.757	0	0	0	0	3.267	3.267				
(2)	Sở Nông nghiệp & PTNT															3.800	3.800	0	0		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022															3.800	3.800	0	0		
1	Nâng cấp Hệ thống cấp nước Diên Phước- Diên Lạc- Diên Thọ	TT Nước sạch và VSMT Nông thôn	Huyện Diên Khánh	2021-2023	86/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	767/QĐ-UBND ngày 31/3/2021	4.885	4.885		2.000	0	2.000	0	0	0	2.800	2.800				
2	Nâng cấp Hệ thống cấp nước Diên Đồng	TT Nước sạch và VSMT Nông thôn	Huyện Diên Khánh	2021-2023	87/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	777/QĐ-UBND ngày 01/4/2021	3.118	3.118		2.000	0	2.000	0	0	0	1.000	1.000				
XI	Xã hội															16.782	16.782	0	0		
(1)	Sở LĐ, TB&XH															16.782	16.782	0	0		
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022															6.782	6.782	0	0		
1	Nâng cấp Đài tưởng niệm liệt sĩ và Nhà bia ghi tên liệt sĩ huyện Vạn Ninh	Sở LĐ	Vạn Ninh	2021-2022	25/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	1997/QĐ-CTUBND ngày 15/7/2021	4.884	4.884		1.500	1.500	0	0	0	0	3.300	3.300				
2	Đền thờ liệt sĩ tại nghĩa trang liệt sĩ huyện Diên Khánh	Sở LĐ	Diên Khánh	2021-2022	49/NQ-HĐND ngày 29/9/2020	1274/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	6.405	6.405		2.718	0	2.718	0	0	0	3.482	3.482				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2021						Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022				Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn CBNS địa phương	Vốn từ nguồn tăng thu, kết dư, tiết kiệm chi NSDP, vốn chuyển nguồn 2020 sang 2021	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ		Vốn XD CB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XS KT		
								Vốn NS tỉnh												Vốn NSTW, ODA
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022														10.000	10.000	0	0		
1	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp mở rộng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Khánh Hòa	Sở LĐ	Khánh Vĩnh	2021-2024	33/NQ-HĐND ngày 21/7/2020	690/QĐ-UBND ngày 22/3/2021	59.941	59.941		1.434	0	1.434	0	0	0	10.000	10.000			
XII	Quản lý nhà nước														3.490	3.490	0	0		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022														3.490	3.490	0	0		
1	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Sở Xây dựng	Sở Xây dựng	Nha Trang	2021-2022	27/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	1653/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	4.497	4.497		1.000	1.000	0	0	0	0	3.490	3.490			
XIII	Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội														53.890	53.890	0	0		
(1)	Công an tỉnh														10.000	10.000	0	0		
*	Hỗ trợ khác														10.000	10.000	0	0		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022														10.000	10.000	0	0		
1	Đường Quốc lộ 1A đi cầu Bến Miếu (đoạn Quốc lộ đi Tiểu đoàn 2-E23	CA tỉnh	Nha Trang	2016-2022	33/NQ-HĐND ngày 09/12/2015	3115/QĐ-UBND 30/10/2015; 2785/QĐ-UBND 15/10/2020; 2270/QĐ-UBND ngày 06/8/2021	82.655	12.655	70.000	18.858	0	0	18.858	0	0	0				
2	Trung tâm chỉ huy Cảnh sát PCCC tỉnh Khánh Hòa	CA tỉnh	Nha Trang	2017-2022	2409/QĐ-BCA-H43 21/6/2016	285/QĐ-H41-H45 ngày 14/10/2016; 119/QĐ-H41-H45 ngày 14/6/2017, 124/QĐ-H41-H45 ngày 21/6/2017	143.417	50.211	93.206	23.382	23.382	0	0	0	0	10.000	10.000			
(2)	BCHQS tỉnh														43.890	43.890	0	0		
*	Hỗ trợ trong định mức														15.990	15.990	0	0		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2021						Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022				Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh		Vốn NSTW, ODA	Vốn CBNS địa phương	Vốn từ nguồn tăng thu, kết dư, tiết kiệm chi NSDP, vốn chuyển nguồn 2020 sang 2021	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát		Vốn vay lại Chính phủ	Vốn XD CB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối		Vốn XSKT		
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022																					
1	Nhà làm việc Ban CHQS xã, phường, thị trấn (giai đoạn 3)	BCHQS tỉnh	Toàn tỉnh	2021-2022	102/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	1644/QĐ-UBND ngày 14/6/2021	4.497	4.497		1.500	0	1.500	0	0	0	10.990	10.990	0	0			
2	Nhà ăn bếp Đại đội Trinh sát 21	BCHQS tỉnh	Vĩnh Hòa, Nha Trang	2023-2024	100/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	1757/QĐ-UBND ngày 29/6/2021; /QĐ-UBND ngày 01/9/2021	2.311	2.311		700	700	0	0	0	0	2.990	2.990					
3	Nhà làm việc Đại đội 74	BCHQS tỉnh	Vĩnh Hòa, Nha Trang	2021-2022	101/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	1609/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	9.437	9.437		3.000	1.840	1.160	0	0	0	1.600	1.600					
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022																					
1	Hội trường Cơ quan Bộ CHQS tỉnh	BCHQS tỉnh	Nha Trang	2021-2023	97/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	1608/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	14.864	14.864		4.300	0	4.300	0	0	0	5.000	5.000	0	0			
*	Hỗ trợ khác																					
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022																					
1	Sở chỉ huy Đại đội công binh 19	BCHQS tỉnh	DK	2021-2022	103/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	1607/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	10.999	10.999		4.300	0	4.300	0	0	0	5.000	5.000	0	0			
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022																					
1	Đường cơ động và bến cập tàu xã đảo Ninh Vân	BCHQS tỉnh	Ninh Vân, Ninh Hòa	2020-2023	34/NQ-HĐND ngày 15/5/2020	2947/QĐ-UBND ngày 29/10/2020; 1902/QĐ-UBND ngày 08/7/2021; 3156/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	126.647	76.647	50.000	6.026	0	0	6.026	0	0	10.000	10.000	0	0			
2	Công trình phòng thủ	BCHQS tỉnh	Ninh Hưng, Ninh Hòa	2016-2022		700/QĐ-BTL ngày 25/9/2018; 1523/QĐ-BTL ngày 29/9/2020	39.923	39.923		16.500	16.500	0	0	0	0	10.000	10.000					

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2021						Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022				Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn CBNS địa phương	Vốn từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NSDP, vốn chuyển nguồn 2020 sang 2021	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XD CB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối		Vốn XS KT	
								Vốn NS tỉnh													Vốn NSTW, ODA
XIV	Các dự án khu tái định cư sử dụng nguồn dự phòng do không có nguồn Quỹ Phát triển đất để bố trí																40.000	40.000	0	0	
1	Cơ sở hạ tầng khu tái định cư Ngọc Hiệp	BQLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2016-2022	03/NQ-HĐND 31/3/2016	2273/QĐ-UBND 5/8/2016; 3467/QĐ-UBND 13/11/2018; 1480/QĐ-UBND ngày 24/6/2020; 4301/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	161.748	161.748		67.166	65.500	1.666	0	0	0		30.000	30.000			
2	Khu tái định cư tại xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang	BQL DAĐT XD các CT NN&PTNT	Nha Trang	2018-2021	338/NQ-HĐND 27/10/2017	3241/QĐ-UBND 30/10/2017; 1478/QĐ-UBND ngày 24/6/2020	90.343	90.343		30.394	30.394	0	0	0	0		10.000	10.000			
XV	Lập quy hoạch tỉnh, các chính đầu tư công khác theo quy định																27.795	27.795	0	0	
2	Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nha Trang đến năm 2040	Sở Xây dựng	Nha Trang			1456/QĐ-TTg ngày 25/9/2020; 300/QĐ-UBND ngày 03/02/2021	9.795	9.795		6.000	6.000	0	0	0	0		3.795	3.795			
3	Trả nợ quyết toán									4.140	4.140		0	0	0		4.000	4.000			
4	Hỗ trợ cấp bù lãi suất đối với các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng				11/2021/NQ-HĐND ngày 19/10/2021					15.300	15.300		0	0	0		15.000	15.000			
5	Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nông nghiệp, nông thôn theo NĐ 57/2017/NĐ-CP của Chính phủ (thay thế NĐ 210/2013/NĐ-CP)									0	0		0	0	0		5.000	5.000			
XVI	Chưa phân bổ																44.000	24.000		20.000	

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2021					Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022				Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh			Vốn NSTW, ODA	Vốn CDNS địa phương	Vốn từ nguồn tăng thu, kết dư, tiết kiệm chi NSDP, vốn chuyển nguồn 2020 sang 2021	Vốn TW hỗ trợ		Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ		Vốn XD CB tập trung
B	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN QUẢN LÝ (đầu tư theo các ngành, lĩnh vực, chương trình)														1.092.000	492.000	600.000		
I	Nguồn XD CB tập trung														492.000	492.000			
1	Thành phố Nha Trang														102.336	102.336			
2	Thành phố Cam Ranh														52.644	52.644			
3	Huyện Cam Lâm														49.200	49.200			
4	Huyện Diên Khánh														64.452	64.452			
5	Thị xã Ninh Hoà														71.832	71.832			
6	Huyện Vạn Ninh														55.104	55.104			
7	Huyện Khánh Vĩnh														55.596	55.596			
8	Huyện Khánh Sơn														40.836	40.836			
II	Nguồn CQSD Đất														600.000		600.000		
1	Thành phố Nha Trang														236.000		236.000		(*)
2	Thành phố Cam Ranh														55.000		55.000		
3	Huyện Cam Lâm														102.000		102.000		
4	Huyện Diên Khánh														70.000		70.000		
5	Thị xã Ninh Hoà														65.000		65.000		
6	Huyện Vạn Ninh														60.000		60.000		
7	Huyện Khánh Vĩnh														8.500		8.500		
8	Huyện Khánh Sơn														3.500		3.500		

(\*) Ghi chú:

- Trích 10% bổ sung Quỹ phát triển đất tỉnh sử dụng để ứng vốn cho Tổ chức phát triển quỹ đất và các tổ chức khác để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và tạo quỹ đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Trích tối thiểu 10% để thực hiện công tác quy hoạch, đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính.